CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xi măng Sài Sơn

Ngày 31/03/2025	3,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**8.3%**	**8.3%**

DT thuần
Q1/25
253
tỷ VNĐ
QoQ: ▼121| -32.2%
YoY: ▼37.0| -12.6%

LN thuần
Q1/25
-1.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.72| -115%
YoY: ▼1.56| -372%

LN sau thuế
Q1/25
-3.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.11| -165%
YoY: ▼3.54| -1042%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
2.5%
YoY: +/-▼ 2.0%

ROE (TTM)
Q1/25
1.3%
YoY: +/-▼ 0.5%

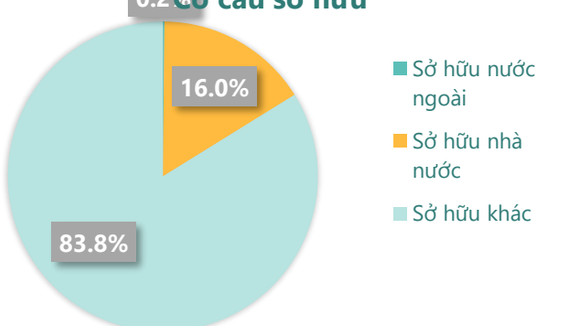
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 4,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
Số lượng CPLH (CP)	57,839,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,935
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	158
P/E	24.8

DT thuần
2024
1,277
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 101| 8.5%

LN thuần
2024
18.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30| 2.1%

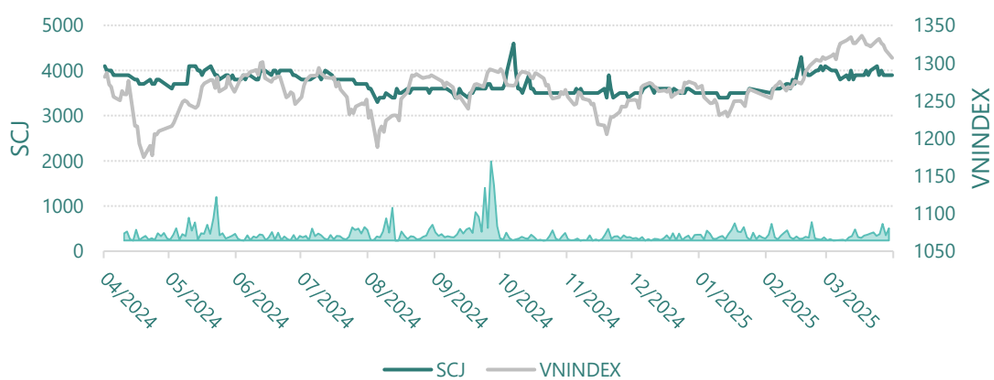
LN sau thuế
2024
12.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.63| 58.7%

Cơ cấu sở hữu

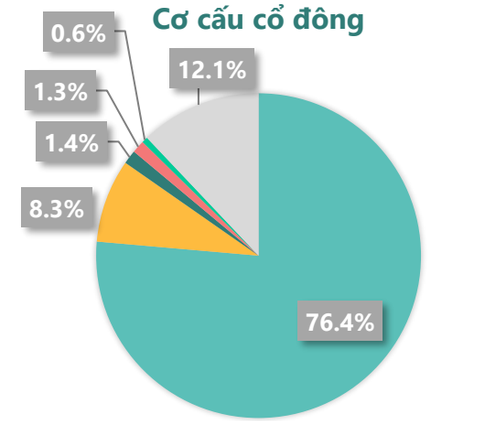


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

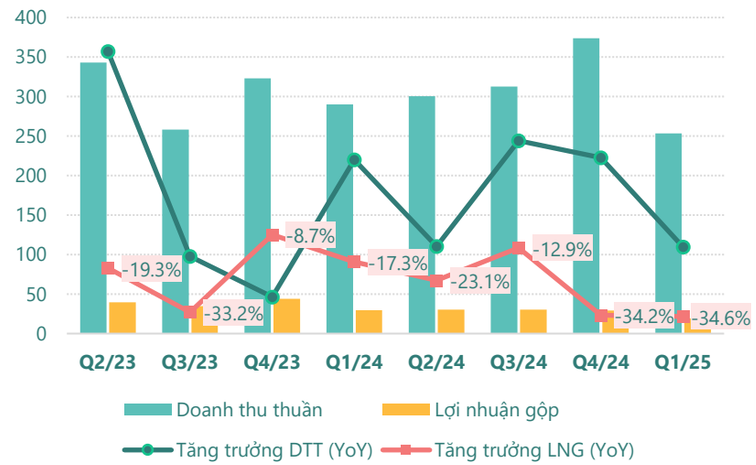


- Nguyễn Sỹ Tiệp (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Xi măng Hoàng Long
- Phạm Tiến Hiếu (Đại diện công bố thông tin)
- Hoàng Thị Long
- Nguyễn Mạnh Hùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

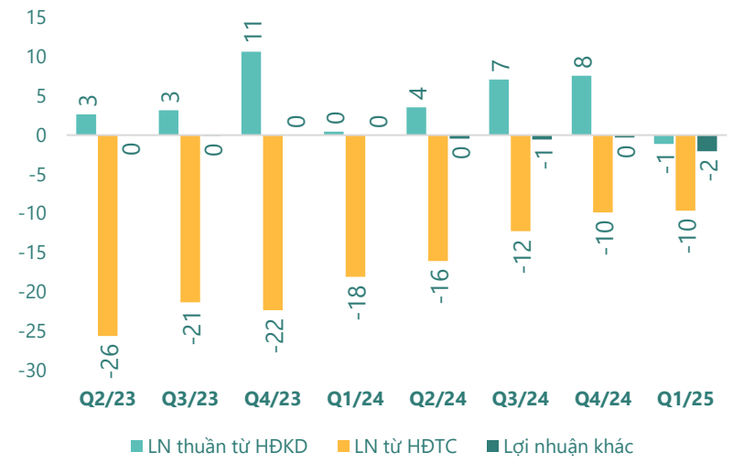
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



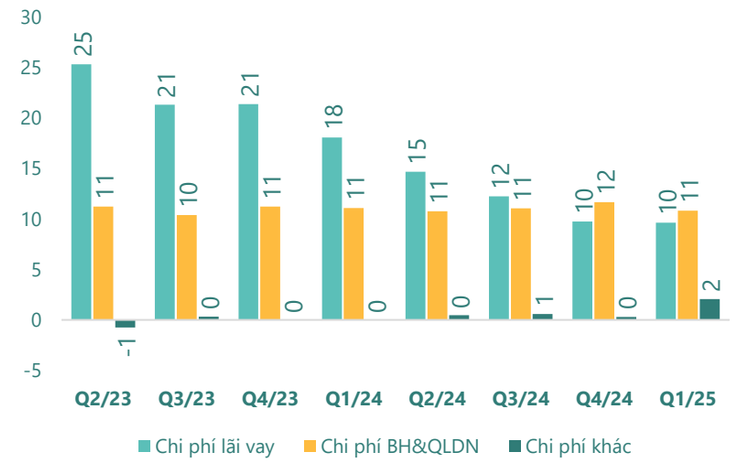
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



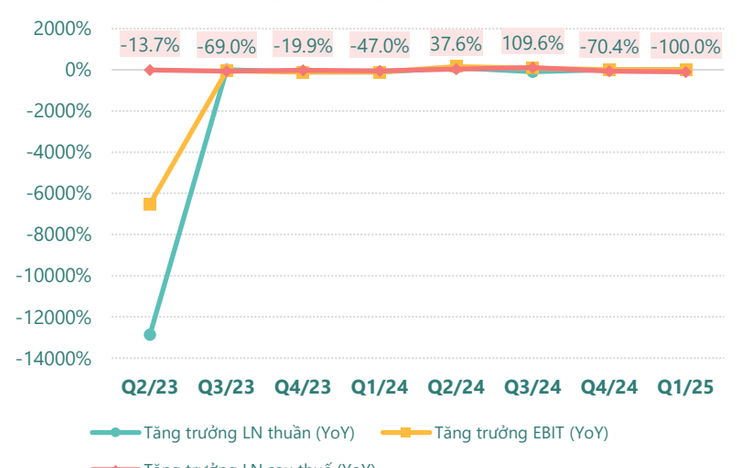
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



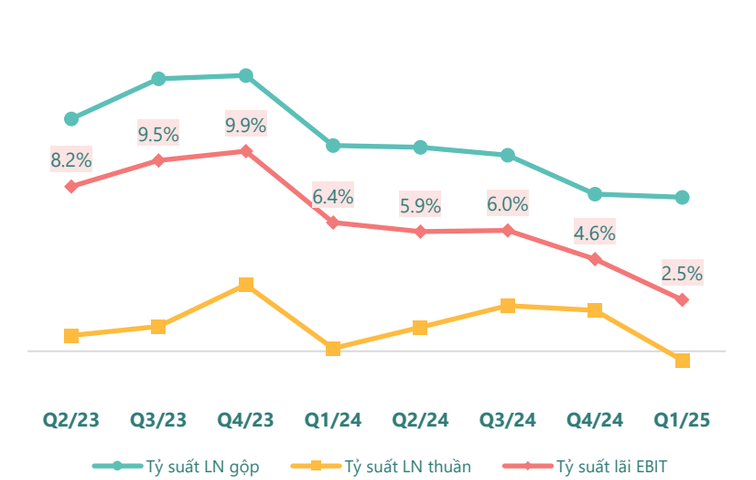
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



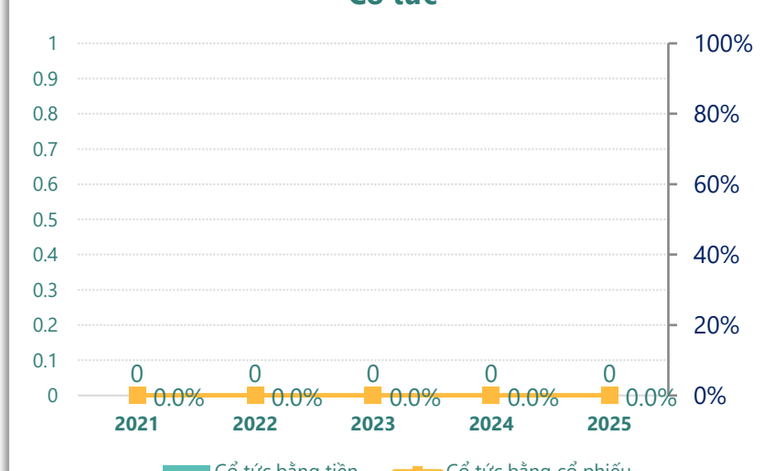
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

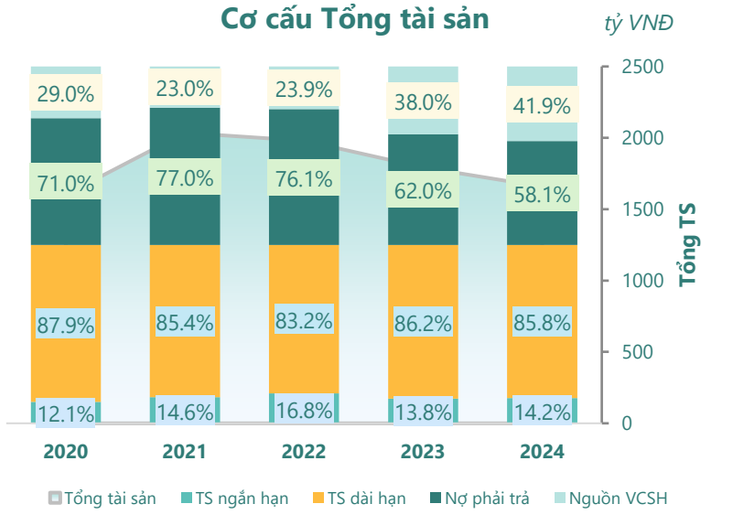
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

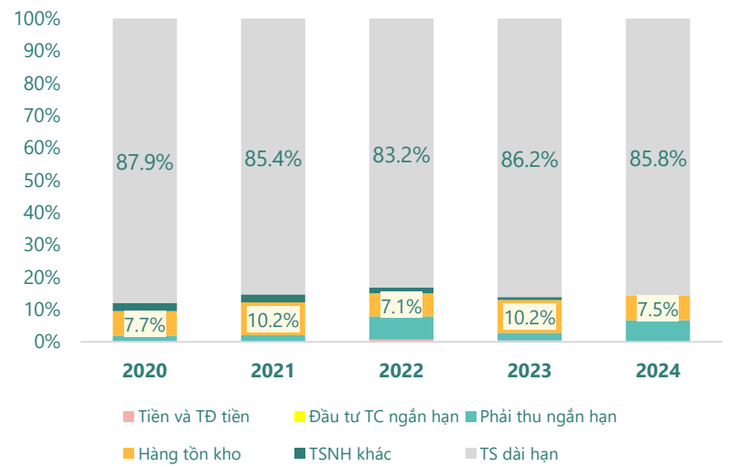
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



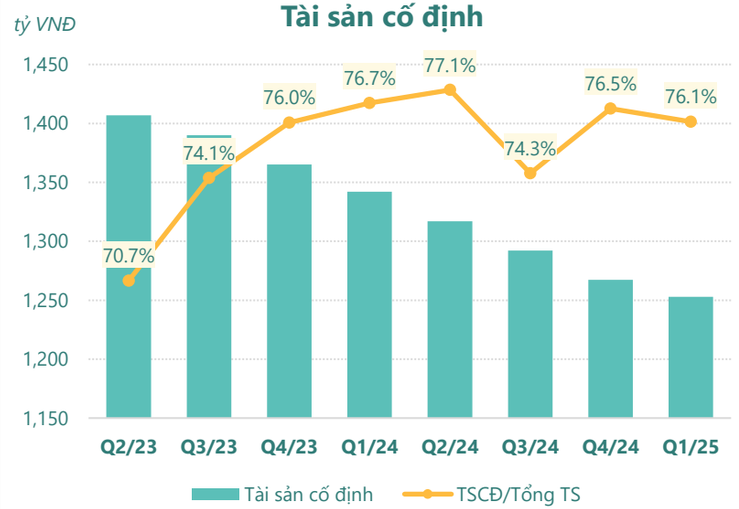
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



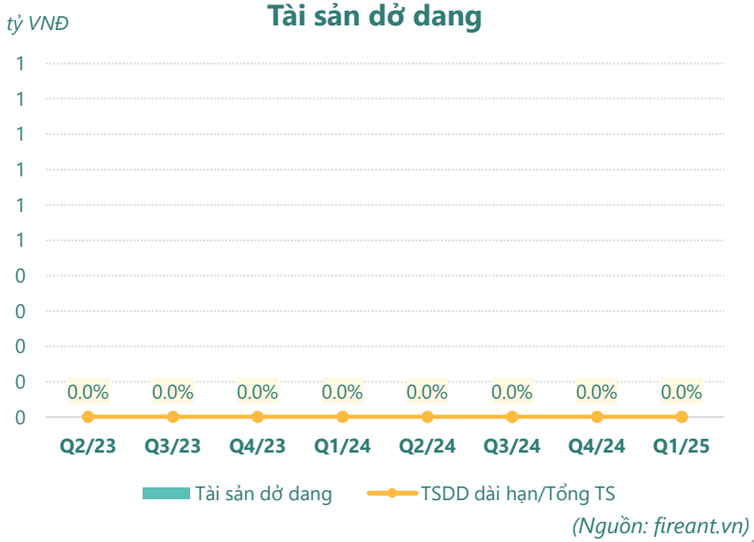
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



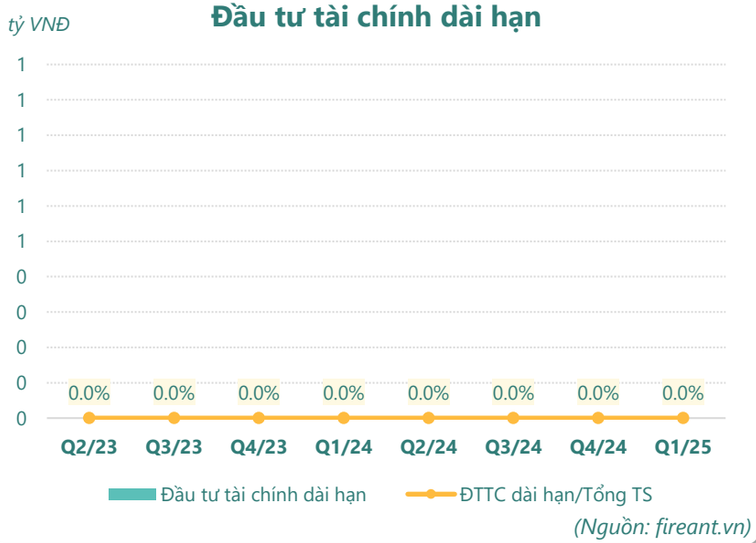
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



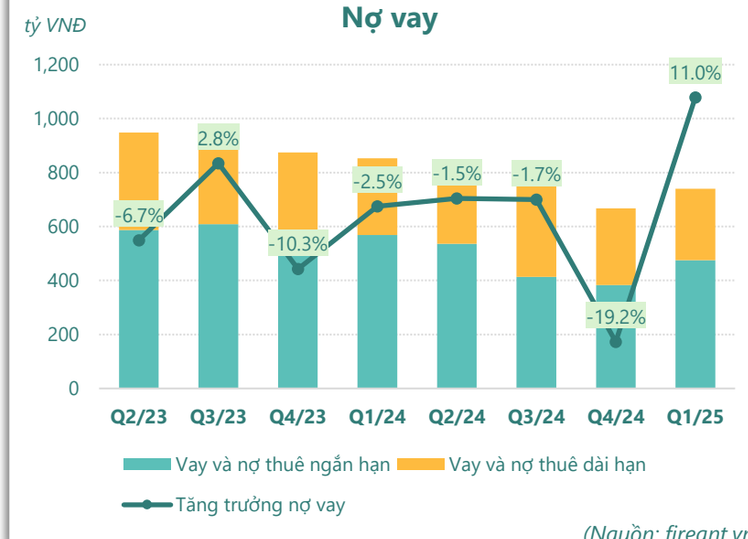
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

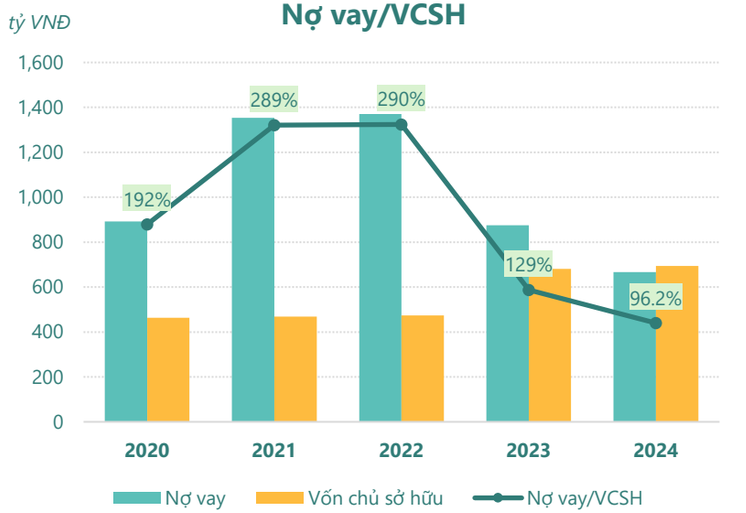
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

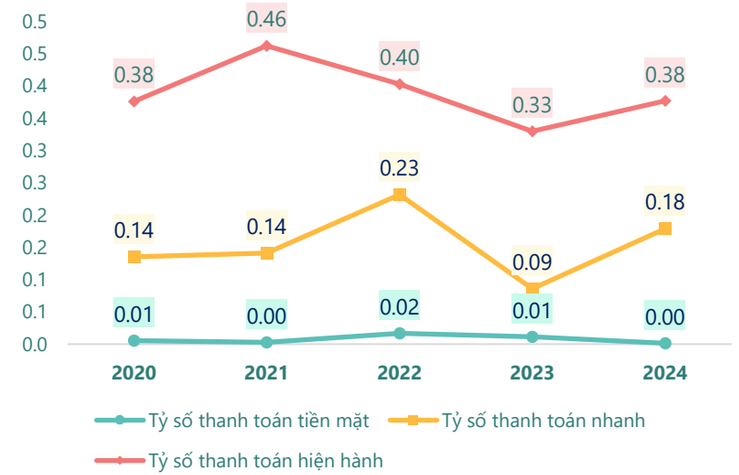
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



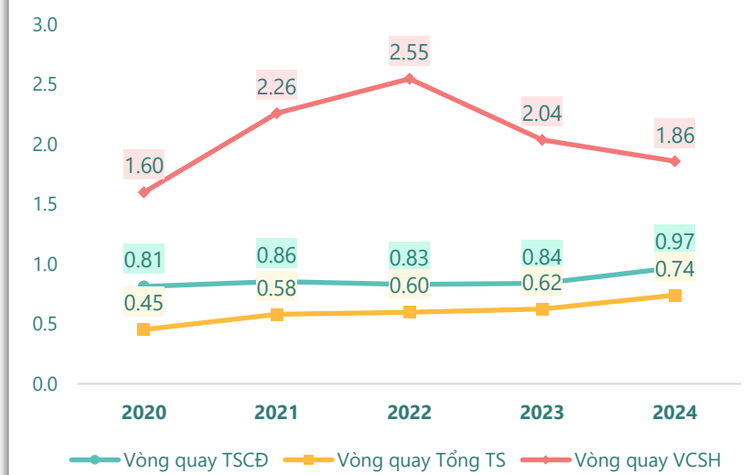
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



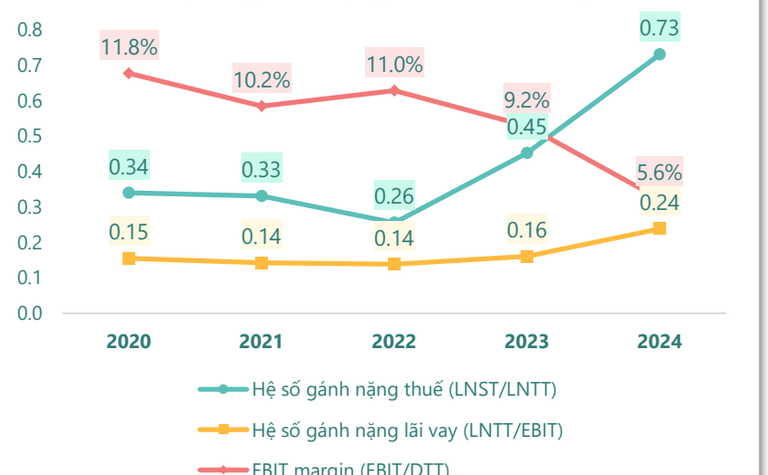
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



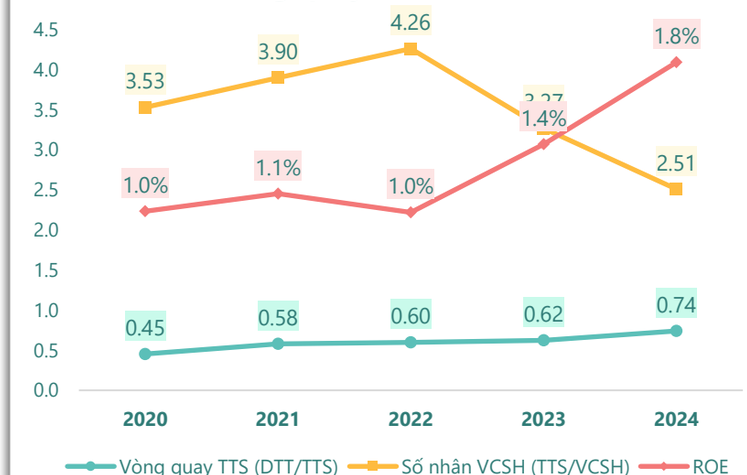
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



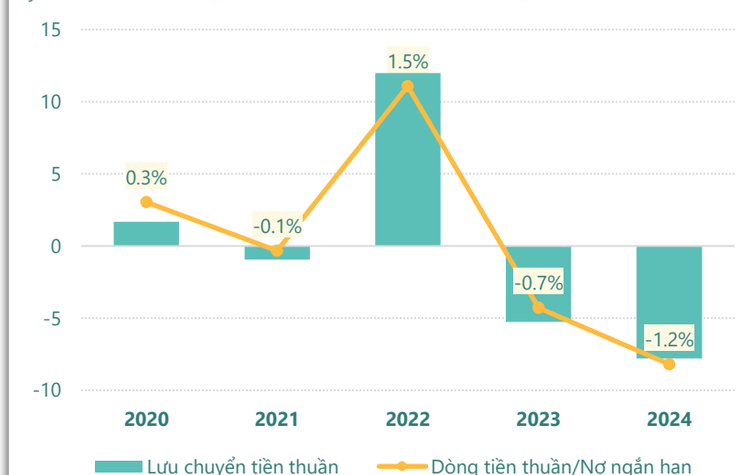
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**253**	**290**	**-12.6%**	**1,277**	**1,176**	**8.5%**
Giá vốn hàng bán	234	260	-10.0%	1,157	1,022	13.2%
Lợi nhuận gộp	19.4	29.6	-34.6%	120	154	-22.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-93.7%	0.03	0.22	-84.6%
Chi phí TC	9.66	18.1	-46.6%	56.3	92.6	-39.2%
Chi phí lãi vay	9.66	18.1	-46.6%	54.8	91.3	-40.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.01	1.74	15.6%	9.00	8.59	4.8%
Chi phí QLDN	**8.83**	**9.35**	**-5.5%**	**35.8**	**35.4**	**1.2%**
LN thuần từ HĐKD	-1.14	0.42	-372%	18.4	18.1	2.1%
Lợi nhuận khác	**-2.06**	**0.00**		**-1.32**	**-0.66**	**-99.5%**
LN trước thuế	-3.20	0.42	-863%	17.1	17.4	-1.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.20**	**0.34**	**-1042%**	**12.5**	**7.87**	**58.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.20**	**0.34**	**-1042%**	**12.5**	**7.87**	**58.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	105	14.4	14.7	13.0	157	-83.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	1.44	-2.87	2.87	0	10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-99.9	-22.6	-13.1	-14.0	-159	73.1
Tiền đầu kỳ	3.28	8.64	1.90	0.68	2.57	0.85
Lưu chuyển tiền thuần	**5.36**	**-6.74**	**-1.22**	**1.89**	**-1.72**	**0.17**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.64	1.90	0.68	2.57	0.85	1.02

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,647**	**1,657**	**-0.6%**
Tài sản ngắn hạn	247	236	4.8%
Tiền và tương đương tiền	1.02	0.85	19.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	0	
Phải thu ngắn hạn	106	110	-3.6%
Hàng tồn kho	127	124	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.5	0.60	1638%
Tài sản dài hạn	**1,400**	**1,421**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,253	1,267	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**148**	**154**	**-4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	957	963	-0.6%
Nợ ngắn hạn	**661**	**625**	**5.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	476	383	24.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	157	218	-28.3%
Nợ dài hạn	296	338	-12.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	264	284	-7.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**690**	**694**	**-0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**690**	**694**	**-0.5%**
Vốn điều lệ	578	578	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)